

Số: 126/2011/TT-BTC

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2011

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 165/2010/TT-BTC ngày 26/10/2010 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu; nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất và pha chế xăng dầu; nhập khẩu nguyên liệu để gia công xuất khẩu xăng dầu

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/06/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/08/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 165/2010/TT-BTC ngày 26/10/2010 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu; nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất và pha chế xăng dầu; nhập khẩu nguyên liệu để gia công xuất khẩu xăng dầu như sau:

Điều 1. Bổ sung khoản 4, Điều 1 như sau:

“4. Thương nhân có giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu bán xăng dầu để phục vụ sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp thuộc các khu chế xuất, khu bảo thuế, khu thương mại - công nghiệp và các khu kinh tế cửa khẩu khác được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó quy định quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa giữa các khu vực này với nội địa là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu thì thủ tục hải quan đối với việc mua bán xăng dầu này thực hiện theo hình thức tạm nhập, tái xuất xăng dầu; cụ thể là doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu làm thủ tục nhập khẩu xăng dầu vào Việt Nam theo chế độ tạm nhập xăng dầu và bán xăng dầu cho doanh nghiệp thuộc các khu nêu trên theo chế độ tái xuất xăng dầu”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 6 như sau:

“4. Xăng dầu đã tạm nhập nhưng không tái xuất hoặc không tái xuất hết, được chuyển vào tiêu thụ nội địa:

4.1. Lượng xăng, dầu nhỏ hơn hoặc bằng 10% khối lượng đã tạm nhập có thời hạn nộp thuế theo quy định tại điểm d, khoản 3 và khoản 4, Điều 42 Luật Quản lý Thuế số 78/2006/QH11.

4.2. Nếu khối lượng xăng, dầu kinh doanh theo phương thức tạm nhập – tái xuất chuyển sang tiêu thụ nội địa lớn hơn 10% khối lượng đã tạm nhập thì phần vượt quá 10% khối lượng tạm nhập có thời hạn nộp thuế theo quy định tại điểm d, khoản 3 và khoản 4, Điều 42 Luật Quản lý Thuế số 78/2006/QH11.

4.3. Sau khi hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ thuế, tài chính, chịu phạt chậm nộp thuế (nếu có) theo luật định thì thương nhân phải tuân thủ các quy định về kiểm tra chất lượng xăng dầu nhập khẩu.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Chương IV và Điều 14 như sau:

1. “Chương IV

Thủ tục hải quan đối với tái xuất, xuất khẩu xăng dầu cho tàu bay”.

2. “Điều 14. Hồ sơ hải quan:

1. Đối với tái xuất xăng dầu:

Khi giao hàng cho tàu bay, thương nhân phải nộp hoặc xuất trình cho Chi cục Hải quan các chứng từ sau:

- Xuất trình tờ khai hải quan đã đăng ký;
- Nộp hóa đơn bán hàng hoặc phiếu xuất kho: 01 bản chính;

- Bản định mức khối lượng xăng dầu bay chặng nội địa: 01 bản chính (đối với trường hợp tàu bay xuất cảnh có bay chặng nội địa).

2. Đối với xuất khẩu xăng dầu:

2.1. Chứng từ phải nộp cho Chi cục Hải quan:

- Tờ khai hải quan đã đăng ký: 02 bản chính;
- Hợp đồng mua xăng dầu sản xuất trong nước hoặc xăng dầu có nguồn gốc nhập khẩu: 01 bản sao;
- Hợp đồng bán xăng dầu cho tàu bay và phụ lục hợp đồng (nếu có): 01 bản sao;

- Hoá đơn bán hàng hoặc Phiếu xuất kho: 01 bản chính;

- Bản định mức khối lượng xăng dầu bay chặng nội địa: 01 bản chính (đối với các trường hợp tàu bay xuất cảnh có bay chặng nội địa);

- Văn bản xác nhận của Bộ Công thương về đăng ký kế hoạch sản xuất, nhập khẩu nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm xăng dầu: 01 bản sao.

2.2. Chứng từ (bản chính) xuất trình khi Chi cục Hải quan yêu cầu:

Xuất trình các chứng từ (bản chính) để công chức hải quan kiểm tra, đối chiếu với các chứng từ (bản sao) phải nộp tại điểm 2.1 khoản này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

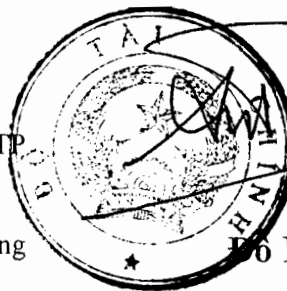
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2011.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chỉ đạo Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, theo dõi và thực hiện nội dung quy định tại Thông tư này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội; VP Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TC, Cục thuế, Hải quan, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo; Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCHQ. (4/0)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn